TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V1 NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2025/HS-ST
Ngày: 21-11-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V1 NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hứa Thị Hà
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đỗ Thị Kim Vân và bà Nguyễn Thị Hà

Thư ký ghi biên bản phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Tô Xuân Tùng - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 11 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 126/2025/TLST- HS ngày 30/10/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2025/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 11 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Ngọc T, sinh năm 2003; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: thôn B, xã Đ, tỉnh Ninh Bình; Nơi ở: thôn L, xã T, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: V1 Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Hoàng Văn H, con bà Phạm Thị Q. Vợ con: Không. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2025 đến nay, tại trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội. (có mặt)

2. Đinh Văn T1, sinh năm 1985; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Đội 6, xã N, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: V1 Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 5/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Đinh Văn M, con bà Nguyễn Thị V. Vợ(đã ly hôn năm 2019) . Có 02 con lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2025 đến nay, tại trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội. (có mặt)

3. Nguyễn Văn H1, sinh năm 1993; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: thôn X, xã H, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: V1 Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn H2, con bà Phạm Thị H3. Vợ: Nguyễn Thị Thanh L, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị giữ, tạm giam từ ngày 05/8/2025 đến nay, tại trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội. (có mặt)

4. Uông Hoàng A, sinh năm 2000; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Xóm 6, thôn P, xã H, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: V1 Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Uông Đức V1, con bà Nguyễn Thị H4. Vợ con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2025 đến nay, tại trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội. (có mặt)

5. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1991; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Thôn X, xã H, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: V1 Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Vũ N, con bà Vũ Thị T2 Vợ Bùi Thu T3, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2025 đến nay, tại trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội. (có mặt)

6. Bùi Min h T4, sinh năm 1990; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Thôn V1 Yên, xã N, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: V1 Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Bùi Trung Á con bà Đỗ Thị B. Vợ Trần Thị H5, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm: 2023; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2025 đến nay, tại trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội. (có mặt)

7. Trần Quốc K, sinh năm 1990; CCCD số 001090051730 do Cục QLHC về trật tự xã hội cấp; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: thôn Đ, xã N, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: V1 Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Danh N1, con bà Vũ Thị T5; Vợ Nguyễn Thị N2, con có 03 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2025, đến nay tại trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội. (có mặt)

8. Nguyễn Đăng T6, sinh năm 1995; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Xóm 4 – thôn P, xã H, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: V1 Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 8/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Đăng T7, con bà Nguyễn Thị P. Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2025 đến nay, tại trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội. (có mặt)

9. Phan Văn M1, sinh năm 1987; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Thôn X, xã H, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: V1 Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Phan Văn D, con bà L1 Thị M2: Vợ: Ứng Thị T8; Con có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2025 đến nay, tại trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội. (có mặt)

10. Trần Văn D1, sinh năm 1992. Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Thôn X, xã H, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: V1 Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn

hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Văn H6, con bà Nguyễn Thị O. Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2025 đến nay, tại trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội. (có mặt)

11. Nguyễn Thị Phương L1, sinh năm 1988; Giới tính: Nữ; Nơi thường trú: Thôn D, xã H, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: V1 Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Hữu N3, con bà Nguyễn Thị M3; Chồng (đã ly hôn năm 2016) Con có 02 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2025 đến nay, tại trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội. (có mặt)

12. Phạm Văn L2, sinh năm 1991; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: thôn Đ, xã N, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: V1 Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Phạm Văn N4, con bà Nguyễn Thị Lan A1. Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 8/2/2014, bị công an phường T, quận H, Hà Nội xử phạt hành chính về tội tàng trữ, vận chuyển trái pháp hoặc chiếm đoạt chất ma túy theo quy định tại Điều 194 BLHS 1999.

Bị cáo bị giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2025 đến nay, tại trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội. (có mặt)

13. Phùng Văn T9, sinh năm 1995; CCCD số 010095004341 do Cục QLHC về trật tự xã hội cấp; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Thôn V, xã V, tỉnh Lào Cai; Quốc tịch: V1 Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Phùng Văn Dao, con bà Vũ Thị T10; Vợ L Thị Hải Y Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2025 đến nay, tại trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Trần Phúc T11, sinh năm 1961. Trú tại: Thôn T, xã T, Thành phố Hà Nội. Anh Trần T4 Anh, sinh năm 1976. Trú tại: Thôn L, xã T, Thành phố Hà Nội. Anh Đình Văn T12, sinh năm 1981. Trú tại: Đội 5, xã N, Thành phố Hà Nội. (có đơn xin vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Phạm Hải Đ, sinh năm 1989. Trú tại: Thôn Đ, xã N, Thành phố Hà Nội. Chị Bùi Thị V, sinh năm 2008. Trú tại: Kinh Bôi, Hòa Bình. Chị Trần Thị Phương T13, sinh năm 1999. Trú tại: Tổ dân phố 4, phường T, tỉnh Hà Tĩnh. Anh L1 Tùng L3, sinh năm 1990. Trú tại: Thôn L, xã T, Hà Nội. Anh Cù Vũ T14, sinh năm 1990. Trú tại: Thôn Đ, xã N, Thành phố Hà Nội. Chị Bùi Thị Ánh T15, sinh năm 2006. Trú tại: Xóm Đ, xã H, tỉnh Phú Thọ. Chị Vi Thị A2, sinh năm 2004. Trú tại: Bản C, xã N, tỉnh Nghệ An. (đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 00 giờ 30 phút ngày 16/5/2025, Tổ công tác phòng chống tội phạm về ma túy của Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Hà Nội tiến hành kiểm tra hành chính đối với cơ sở Karaoke số 1 đường Q, xã N, huyện T, Hà Nội (nay là xã T, thành phố Hà Nội). Kiểm tra tại tầng 1 của quán hát không phát hiện gì. Tiếp tục kiểm tra, tổ công tác phát hiện tại 03 phòng hát nghi vấn có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, cụ thể như sau:

- Tại phòng Vip 2 tầng 3 có 08 đối tượng gồm: Phạm Văn L2, Bùi Min h T4, Trần Quốc K, L1 Tùng L3, Cù Vũ T14 , Bùi Thị Ánh T15, Bùi Thị V và Trần Thị Phương T13. Trên mặt bàn số 1 có 01 đĩa sữ hình tròn màu trắng, trên đĩa sứ có dính tinh thể màu trắng, 01 thẻ nhựa, 01 tẩu hút được cuốn bằng tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng.

- Tại Phòng Vip 4 tầng 5 có 03 đối tượng gồm: Uông Hoàng A, Nguyễn Đăng T6, Vi Thị A2. Trên mặt bàn số 1 có 01 đĩa sứ màu trắng, trên đĩa sứ có dính tinh thể màu trắng, 01 tẩu hút được cuốn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng và 01 thẻ nhựa cứng màu đỏ; trên sàn nhà có 02 mảnh viên nén màu xanh.

- Tại Phòng Vip tầng 6 có 05 đối tượng gồm: Đinh Văn T1, Nguyễn Văn Q, Phan Văn M1, Trần Văn D1, Nguyễn Thị Phương L1. Trên mặt bàn có 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn bên trong đĩa có chứa tinh thể màu trắng, 01 thẻ nhựa, 01 tẩu hút được cuốn bằng tờ tiền 10.000 đồng; 02 túi nilong bên trong đều có chất tinh thể màu trắng.

Các đối tượng đều khai nhận đang cùng nhau sử dụng ma túy thì bị cơ quan công an kiểm tra phát hiện. Tổ công tác tiến hành lập biên bản thu giữ niêm phong các tang vật và khám nghiệm hiện trường, sau đó yêu cầu tất cả các đối tượng về trụ sở Cơ quan Công an để làm việc.

Tiến hành xét nghiệm chất ma túy tại chỗ đối với các đối tượng, kết quả: Hoàng Ngọc T, Nguyễn Đăng T6, Uông Hoàng A, Trần Văn D1, Đinh Văn T1, Trần Quốc K, Phạm Văn L2, Phan Văn M1, Nguyễn Văn Q, Bùi Min h T4, Nguyễn Thị Phương L1, Phạm Hải Đ, Cù Vũ T14, L1 Tùng L3, Bùi Thị Ánh T15, Vi Thị A2 dương tính với ma túy. Trần Thị Phương T13, Bùi Thị V âm tính với ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số 2951A ngày 25/5/2025 của phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội, kết luận: *"Tinh thể màu trắng thu trên 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng là ma túy loại Ketamine, khối lượng: 0,597 gam; 01 tẩu hút tự tạo bằng tờ tiền polyme mệnh giá 20.000 đồng và 01 thẻ nhựa đều có dính ma túy loại Ketamine."*

Tại bản Kết luận giám định số 2951 ngày 25/5/2025 của phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội, kết luận: *"01 đĩa sứ hình tròn, 01 tẩu hút tự tạo bằng tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng và 01 thẻ nhựa màu đỏ đều có dính ma túy loại Ketamine; 01 mảnh viên nén màu xám có ma túy loại MDMA, ma túy loại Methamphetamine và ma túy loại Ketamine, khối lượng: 0,083 gam; 01 mảnh viên nén màu xám có ma túy loại MDMA, ma túy loại Methamphetamine và ma túy loại Ketamine, khối lượng: 0,072 gam."*

Tại bản Kết luận giám định số 2950 ngày 25/5/2025 của phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội, kết luận: *"Tinh thể màu trắng thu trên 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng là ma túy loại Ketamine, khối lượng: 0,254 gam; 01 tẩu hút tự tạo bằng tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng và 01 thẻ nhựa cứng màu xám đều có dính ma túy*

loại Ketamine; Tinh thể màu trắng bên trong 02 túi nilong đều là ma túy loại Ketamine, tổng khối lượng: 1,142 gam."

Hồi 13 giờ cùng ngày 16/5/2025, Phùng Văn T9 đến cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình: Khoảng 23 giờ ngày 15/5/2025, có người gọi đến số 0982979585 của T9 hỏi mua nửa chỉ ma túy ke và 03 viên ma túy kẹo với giá 1.500.000 đồng và hẹn mang đến quán hát đầu đường Q, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội, T9 đồng ý và mua của một người đàn ông không quen biết có tên là "Hải" nửa chỉ ma túy ke và 03 viên ma túy kẹo với giá 1.000.000 đồng. Sau đó mang số ma túy đến cửa sau của quán karaoke chờ, thì có số máy 0911112990 gọi đến. T9 đưa số ma túy cho K và báo giá 1.500.000 đồng. K đồng ý nói chuyển khoản sau. T9 đi về.

Tại cơ quan điều tra, Hoàng Ngọc T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau: Từ tháng 9 năm 2024 đến nay, T làm nhân viên của quán karaoke do anh Đình Văn T12 là quản lý. T biết việc khách hàng đến thuê phòng hát với mục đích để sử dụng ma túy. Khoảng 18 giờ và 22 giờ ngày 15/5/2025. Nguyễn Bá Hải là quản lý của quán bảo T chuẩn bị phòng cho khách. T hiểu ý và đi chuẩn bị các phòng Vip 4 tầng 5; phòng Vip tầng 6 và Vip 2 tầng 3 để đưa khách L1n phòng rồi bật loa, đèn rồi đi xuống. Sau đó một khách ở phòng Vip 2 tầng 3 bảo T mở cửa cho lấy đồ, T biết khách lấy ma túy nên đã mở cửa. Đến khoảng 00 giờ 30 ngày 16/5/2025, Cơ quan công an kiểm tra quán hát phát hiện các phòng Vip 2 tầng 3, Vip 4 tầng 5 và Vip tầng 6 đều sử dụng ma túy.

Tại cơ quan điều tra, lời khai của Uông Hoàng A phù hợp với lời khai của Nguyễn Đăng T6 và Vi Thị A2 như sau: Khoảng 17 giờ ngày 15/5/2025, Uông Hoàng A đang ngồi uống bia với Nguyễn Đăng T6. Hoàng A rủ Tài cùng góp tiền đi thuê phòng hát sử dụng ma túy. Hoàng A gọi điện thoại bằng zalo cho Nguyễn Văn H1 hỏi "*có lấy được phòng trên Lion không*". H1 trả lời "*có*" và nói có H1 đi cùng thì quán mới nhận khách. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, H1 đi xe tải đến quán bia đón Hoàng A và Tài. Đến quán hát, H1 giới t hiệu là bạn của T1 nên được lễ tân bố trí L1n phòng Vip 5 tầng 4, đã bày sẵn 01 đĩa sứ và 01 thẻ nhựa cứng. Hoàng A và H1 bảo lễ tân gọi cho mỗi người một nhân viên còn Tài gọi điện thoại cho Vi Thị A2 rủ đến quán để bay lắc và sử dụng ma túy. H1 nhắn tin zalo cho Hoàng A chuyển số tiền 7.700.000 đồng vào số tài khoản 640019858888 ngân hàng MB bank, để trả tiền mua ma túy. Sau đó, H1 đưa ma túy kẹo cho mọi người cùng sử dụng. Hoàng A, Tài mỗi người sử dụng một nửa viên ma túy kẹo và đưa nửa còn lại cho Vi Thị A2 cùng sử dụng. H1 đổ ma túy ke ra đĩa rồi xào ma túy và cuốn tẩu hút rồi cùng mọi người sử dụng ma túy ke. H1 và 02 người nhân viên nữ đi về trước, Hoàng A cùng Tài và Vi Thị A2 ở lại thì bị cơ quan công an kiểm tra bắt giữ.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn H1 khai: Khoảng 19 giờ ngày 15/5/2025, Uông Hoàng A và Nguyễn Đăng T6 nhờ H1 thuê phòng để hát karaoke. H1 đồng ý và điều khiển xe ô tô tải chở Hoàng A và Tài đến cơ sở Karaoke ở số 1 đường Q, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội rồi cùng L1n phòng hát ở phòng Vip 5 tầng 4. Tại đây, Hoàng A và Tài nhờ H1 mua ma túy để cùng nhau sử dụng. H1 sử dụng tài khoản zalo gọi đến tài khoản zalo của Đình Văn T1 để hỏi mua ma túy kẹo và ma túy ke với giá khoảng 7.000.000 đồng. T1 mang ma tuý đến đưa cho H1 tại cửa phòng Vip 5 tầng 4. H1 gửi cho Hoàng A số tài khoản của T1, Hoàng A đồng ý và chuyển số tiền 7.700.000 đồng để mua ma túy.

Sau đó, Hoàng A gọi 03 nhân viên nữ đến ngồi cùng mọi người để rót bia và sử dụng ma túy. Hoàng A, Tài và 02 nhân viên nữ ngồi cùng sử dụng ma túy. H1 và nhân viên nữ ngồi cùng H1 không sử dụng ma túy, một lúc sau thì ra về. Sau này, H1 mới biết Hoàng A và Tài bị cơ quan điều tra bắt về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. H1 cam đoan không sử dụng ma túy, chỉ trả tiền gọi nhân viên còn tiền sử dụng ma túy chưa thỏa thuận gì với Hoàng A và Tài.

Tại cơ quan điều tra, lời khai của Đình Văn T1, Nguyễn Văn Q, Trần Văn D1, Phan Văn M1, Nguyễn Thị Phương L1 phù hợp với nhau: Khoảng 21 giờ ngày 15/5/2025, T1 đang ở nhà thì Q gọi điện thoại rủ đi bay lắc và sử dụng ma túy tại quán hát ở số 1 đường Q, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội. Sau đó, Q chuyển số tiền 5.000.000 đồng vào tài khoản 640019858888 ngân hàng MB bank của T1. T1 đã gọi điện thoại cho một người nam giới hỏi mua 1,5 chỉ ma túy ke và 02 viên ma túy kẹo với giá 3.000.000 đồng. Người nam giới đồng ý và bảo T1 đi ra khu Công nghiệp N để lấy ma túy. Trước khi đi lấy ma túy, T1 đã gửi lại 3.000.000 đồng cho 01 người nam giới tên thường gọi là "Cò" để đưa cho người bán ma túy khi đến lấy rồi T1 đi xuống khu Công nghiệp N để lấy ma túy. Khi đến nơi, T1 gọi cho người bán để lấy ma túy thì được chỉ đến lấy ma túy để trong bao thuốc lá Thăng Long đặt dưới viên gạch ở gốc cây hoa sữa. T1 quay lại quán hát và L1n phòng Vip tầng 6 thì thấy có Q, M1, L1 và D1. T1 bỏ ma túy kẹo ra bàn với mục đích mời mọi người cùng sử dụng. Sau đó, T1 xào ma tuý ke sau đó, T1 sử dụng 02 đường ma túy ke trước rồi để trên bàn mời mọi người cùng sử dụng. Q lấy viên ma túy kẹo bẻ ra làm đôi, một nửa Q sử dụng còn một nửa viên để xuống dưới bàn. D1 sử dụng 1/3 viên ma túy kẹo và 02 đường ma túy ke. M1, L1 cũng sử dụng ma túy kẹo và ma túy ke. Mọi người đang sử dụng ma túy thì bị cơ quan công an kiểm tra bắt giữ.

Ngoài ra T1 khai nhận còn bán ma túy cho Nguyễn Văn H1 01 túi ma túy ke và 03 viên ma túy keo với giá 7.700.000 đồng tại cửa quán hát.

Tại cơ quan điều tra, lời khai của Bùi Min h T4, Phạm Văn L2, Trần Quốc K, Cù Vũ T14, Phạm Hải Đ, L1 Tùng L3 phù hợp với nhau về nội dung như sau: Tối ngày 15/5/2025, cả nhóm cùng ngồi uống bia tại N. Đến khoảng 21 giờ, do uống say quá nên L2 về nhà nằm ngủ đến khoảng 22 giờ 30 phút, L2 được K gọi điện rủ đến quán hát ở đầu phố Lưu Phái để cùng sử dụng ma túy. Sau đó, cả nhóm còn lại cùng rủ nhau đi thuê phòng hát để sử dụng ma túy. Khi đến quán T4 gọi điện cho người có tên trong điện thoại là "em gà kê" hỏi mua ma túy, thì đối tượng này nhắn cho T4 số điện thoại 0982979585 của Phùng Văn T9 để liên hệ mua nửa chỉ ma túy ke và 03 viên ma túy kẹo, hẹn mang đến quán hát đầu đường Q. Sau đó lễ tân đưa mọi người L1n phòng Vip 2 tầng 3 mở nhạc. T9 gọi lại cho T4 và bảo xuống lấy ma túy. T4 nhờ K xuống lấy mang L1n phòng và nói sẽ thanh toán sau. L1n phòng hát, K bỏ ma túy kẹo ra pha vào nước coca rồi đổ vào các cốc rồi đưa cho mọi người cùng sử dụng. T4, L2, T14, Đăng, L3 nhận cốc nước coca bên trong có chứa ma túy và uống. Phạm Hải Đ không biết bên trong cốc coca có chứa ma túy. Sau đó, K đổ ma túy ke ra đĩa sứ rồi đưa đĩa sứ cho L2, L2 cầm đĩa sứ hơ nóng xào ma túy và chia thành các đường kẻ đồng thời lấy tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng cuộn thành tẩu hút để L1n đĩa mời mọi người cùng sử dụng. K sử dụng 02 đường ma túy ke sau đó đưa đĩa sứ cho L2 sử dụng 01 đường ma túy ke bằng mũi, rồi để đĩa ma túy xuống bàn và

tiếp tục nghe nhạc. T4 cũng tự sử dụng 01 đường ma túy ke. L3 và T14 đi đến và tự sử dụng ma túy ke. Đăng không sử dụng ma túy và cũng không biết lí do vì sao dương tính với ma túy. Sau đó có 03 nhân viên nữ là Trần Thị Phương T13, Bùi Thị V và Bùi Thị Ánh T15 đến để phục vụ rót bia. T4 và mọi người tiếp tục sử dụng ma túy và nghe nhạc thì bị cơ quan công an kiểm tra phát hiện.

Đối với L1 Tùng L3, Cù Vũ T14, Bùi Thị Ánh T15, Vi Thị A2 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên ngày 10/10/2025, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Hà Nội đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1, Điều 23 nghị định 144/NĐ-CP ngày 31/12/2021.

Đối với Phạm Hải Đ, Bùi Thị V và Trần Thị Phương T13 quá trình điều tra xác định những người này không tham gia vào việc Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, không sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với người bán ma tuý cho Đình Văn T1 và Phùng Văn T9, quá trình điều tra chưa có căn cứ để xác định được đối tượng trên nên Cơ quan điều tra ra Quyết định tách phần tài liệu liên quan để tiếp tục điều tra giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với chủ sở hữu cơ sở Karaoke không tên, không biển hiệu có địa chỉ tại số 1 đường Q, xã T, thành phố Hà Nội, quá trình điều tra xác định căn nhà 5 tầng nằm trên thửa đất số 43-1, tờ bản đồ số 03 thuộc thôn L, xã T, Hà Nội thuộc sở hữu của ông Trần Phúc T11, sinh năm: 1961, trú tại thôn T, xã T, Hà Nội. Ông T11 đã cho anh Trần T4 Anh,sinh năm: 1976, trú tại: xã T, Hà Nội thuê từ ngày 01/01/2025. Sau đó, anh T4 Anh cho anh Đình Văn T12,sinh năm: 1981, trú tại: xã N, Hà Nội thuê lại từ ngày 02/01/2025. Anh N12 khai nhận thuê lại căn nhà để kinh doanh dịch vụ hát cho nhau nghe tuy nhiên anh N12 đã giao lại cho Nguyễn Bá Hải toàn quyền quyết định kinh doanh, khi xảy ra sự việc trên anh N12 không có mặt ở quán và cũng không cho phép ai sử dụng ma túy. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với đối tượng Nguyễn Bá Hải sinh năm 2001, Nơi thường trú: TDP 8, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên, là quản lý của quán Karaoke không tên ở số 1 đường Q thuộc xã T, thành phố Hà Nội. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Hà Nội đã xác minh và T1 tập Hải, Tuy nhiên, Hải vắng mặt tại địa phương nơi cư trú. Do đó, Cơ quan CSĐT - Công an TP Hà Nội ra Quyết định tách phần tài liệu liên quan đến đối tượng Hải để tiếp tục điều tra giải quyết theo quy định của pháp luật.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Phùng Văn T9: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 8 Plus (đã qua sử dụng) và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS Max (đã qua sử dụng), tiến hành khai thác dữ liệu trong máy không thu giữ tài liệu gì.

Đối với các số điện thoại 0911112990, 0982979585, 0392819953, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Hà Nội đã tiến hành gửi yêu cầu cung cấp thông tin tài liệu đến Tổng công ty hạ tầng mạng VN-net và Tập đoàn công nghiệp viễn thông Q đội Viettel nhưng đến nay đã hết thời hạn điều tra mà chưa có kết quả nên Cơ quan CSĐT - Công an TP Hà Nội ra Quyết định tách phần tài liệu liên quan để tiếp tục xác minh giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại cáo trạng số 12/CT-VKSKV11 ngày 29 tháng 10 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội đã truy tố các bị cáo:

Hoàng Ngọc T về tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Đinh Văn T1 về tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự và tội Mua bán trái phép chất ma túy, theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Uông Hoàng A, Bùi Min h T4, Nguyễn Văn Q, Phạm Văn L2, Phan Văn M1, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Đăng T6, Trần Văn D1, Trần Quốc K, Nguyễn Thị Phương L1 về tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Phùng Văn T9 về tội: Mua bán trái phép chất ma túy, theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điểm a, b khoản 2 Điều 255; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024 và năm 2025. Xử phạt Hoàng Ngọc T từ 10 năm đến 11 năm tù.

- Áp dụng Điểm b khoản 2 Điều 255; khoản 1 Điều 251, Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 55; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024 và năm 2025. Xử phạt Đinh Văn T1 từ 09 năm 06 tháng đến 10 năm tù về tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; Từ 27 đến 30 tháng tù về tội: Mua bán trái phép chất ma túy. Buộc T1 phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội.

- Áp dụng Điểm b khoản 2 Điều 255; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024 và năm 2025. Xử phạt Bùi Min h T4 từ 09 năm 06 tháng đến 10 năm tù.

- Áp dụng Điểm b khoản 2 Điều 255; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024 và năm 2025 xử phạt Nguyễn Văn Q từ 09 năm 06 tháng đến 10 năm tù.

- Áp dụng Điểm b khoản 2 Điều 255; Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024 và năm 2025 xử phạt Uông Hoàng A từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng Điểm b khoản 2 Điều 255; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024 và năm 2025 xử phạt Nguyễn Đăng T6 từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù.

- Áp dụng Điểm b khoản 2 Điều 255; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024 và năm 2025 xử phạt Phan Văn M1, Trần Văn D1, Nguyễn Thị Phương L1: từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng Điểm a khoản 2 Điều 255; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024 và năm 2025 xử phạt Nguyễn Văn H1 từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng Điểm b khoản 2 Điều 255; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024 và năm 2025 xử phạt Phạm Văn L2 từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

- Áp dụng Điểm b khoản 2 Điều 255; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024 và năm 2025. Xử phạt Trần Quốc K từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt Phùng Văn T9 từ 24 tháng đến 27 tháng tù.

* Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

* Về vật chứng đề nghị xử lý: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm d khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

- Tịch thu tiêu hủy 03 niêm phong bên trong có chất ma túy ke và ma túy kẹo, bên ngoài có chữ ký của giám định viên và chữ ký của các bị cáo; 03 thẻ nhựa; 03 đĩa sứ trắng; 02 tờ tiền VNĐ mệnh giá 10.000 đồng và 01 tờ tiền VNĐ mệnh giá 20.000 đồng

- Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước đối với điện thoại của các bị cáo: Phùng Văn T9, Đình Văn T1,Trần Quốc K, Uông Hoàng A, Bùi Min h T4, Nguyễn Văn Q. 01 bộ máy tính đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, tình trạng hoạt động bên trong của máy khi bàn giao.

- Trả lại điện thoại cho các bị cáo: Phan Văn M1,Nguyễn Đăng T6, Nguyễn Thị Phương L1, Hoàng Ngọc T, Phạm Văn L2, Trần Văn D1.

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 7.700.000 đồng đối với bị cáo Đình Văn T1.

* Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tranh luận tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị

cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Hoàng Ngọc T, Đinh Văn T1,Uông Hoàng A, Bùi Min h T4, Nguyễn Văn Q, Phạm Văn L2, Phan Văn M1, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Đăng T6, Trần Văn D1, Trần Quốc K, Nguyễn Thị Phương L1 và Phùng Văn T9 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với ngừi liên quan, người làm chứng; phù hợp với kết luận giám định cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian 00 giờ 30 phút ngày 16/5/2025, tại cơ sở Karaoke không tên, không biển hiệu có địa chỉ tại số 1 đường Q, xã T, thành phố Hà Nội, Hoàng Ngọc T đang cho các đối tượng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thì bị Tổ công tác phòng chống tội phạm về ma túy của Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Hà Nội kiểm tra, bắt giữ như sau:

- Tại phòng Vip 2 tầng 3 của quán, Bùi Min h T4, Trần Quốc K, Phạm Văn L2 có hành vi tổ chức cho L1 Tùng L3, Cù Vũ T14, Phạm Hải Đ, Bùi Thị Ánh T15, Bùi Thị V, Trần Thị Phương T13 sử dụng trái phép chất ma túy. Số ma túy thu giữ tại phòng là 0,597 gam ma túy loại Ketamine do T4 mua của Phùng Văn T9 với giá 1.500.000 đồng.

- Tại phòng Vip 4 tầng 5 của quán, Nguyễn Văn H1, Uông Hoàng A, Nguyễn Đăng T6 có hành vi tổ chức cho Vì Thị A2 sử dụng trái phép chất ma túy. Số ma túy thu giữ tại phòng là 02 mảnh viên nén màu xám có khối lượng 0,155 gam ma túy loại MDMA, Methamphetamine, Ketamine do H1 mua của Đinh Văn T1 với giá 7.700.000 đồng.

- Tại phòng Vip tầng 6 của quán: Đinh Văn T1, Nguyễn Văn Q, Phan Văn M1, Trần Văn D1, Nguyễn Thị Phương L1 đang có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng số ma túy thu giữ tại phòng là: 1,396 gam ma túy loại Ketamine.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội truy tố các bị cáo Hoàng Ngọc T về tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Đinh Văn T1 về tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và tội Mua bán trái phép chất ma túy, theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Uông Hoàng A, Bùi Min h T4, Nguyễn Văn Q, Phạm Văn L2, Phan Văn M1, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Đăng T6, Trần Văn D1, Trần Quốc K, Nguyễn Thị Phương L1 về tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Phùng Văn T9 về tội: Mua bán trái phép chất ma túy, theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội,đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo:

Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, song vì thỏa mãn nhu cầu của bản thân, các bị cáo đã tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, mua bán trái phép chất ma túy. Đối với bị cáo Hoàng Ngọc T bị cáo là người tổ chức, chuẩn bị phòng hát và dụng cụ cho nhiều người sử dụng trái phép chất ma túy, nên đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy với 02 tình tiết định khung "Đối với 02 người trở

L1n" và "Phạm tội 02 lần trở L1n". Các bị cáo Đình Văn T1, Uông Hoàng A, Bùi Min h T4, Nguyễn Văn Q, Phạm Văn L2, Phan Văn M1, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Đăng T6, Trần Văn D1, Trần Quốc K, Nguyễn Thị Phương L1 đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy " Đối với 02 người trở L1n" được quy định định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ Luật Hình sự. Đình Văn T1 và Phùng Văn T9 về tội: Mua bán trái phép chất ma túy, theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà Nước về chất ma túy, xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Với ý thức coi thường pháp luật các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần phải có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi từng bị cáo thực hiện cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về vị trí, vai trò và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo trong vụ án:

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nên cần cá thể hóa vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo.

[4.1] Đối với bị cáo Hoàng Ngọc T:

Bị cáo là nhân viên của quán, tiếp nhận ý chí của Hải, T đã cung cấp địa điểm và biết việc khách hàng đến thuê phòng hát với mục đích để sử dụng ma túy, bị cáo đồng ý và chuẩn bị đĩa sứ, phòng hát cho các đối tượng sử dụng ma túy. Do đó bị cáo phải chịu hình phạt cao nhất.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự; đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

[4.2] Đối với bị cáo Đình Văn T1:

Bị cáo T1 là người liên hệ đặt phòng, là người trực tiếp đi mua ma túy, liên hệ đặt phòng để sử dụng ma túy, xào ma túy, rủ rê mời các bị cáo khác cùng sử dụng ma túy. Thống nhất sử dụng ma túy hết bao nhiêu tiền thì chia đều cho từng người. Đồng thời bị cáo là người trực tiếp trao đổi mua bán ma túy cho bị cáo H1, nhằm kiếm lời. Vì vậy bị cáo đã phạm 02 tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và Mua bán trái phép chất ma túy, nên phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự; đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

[4.3] Đối với bị cáo Bùi Min h T4:

Bị cáo T4 là người liên hệ thuê phòng hát, liên hệ mua ma túy với khối lượng cao hơn các phòng hát khác, bị cáo sử dụng ma túy và đồng thời cũng là người rủ rê các bị cáo khác cùng sử dụng ma túy.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự; Bản thân bị cáo là điều dưỡng viện của Bệnh viện Bạch mai, được tặng bằng khen năm 2021 về hỗ trợ phòng chống dịch bệnh Covid – 19 tại các tỉnh phía Nam. Có chú ruột là liệt sỹ, gia đình được hưởng chính sách,chế độ thờ cúng liệt sỹ hàng năm…. đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

[4.4] Đối với bị cáo Nguyễn Văn Q:

Bị cáo Q là người chủ động rủ T1 sử dụng ma túy, chuyển 5.500.000 đồng cho T1 để mua ma túy, rủ các bị cáo khác thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, thống nhất với các bị cáo T1, M1, D1 và L1 sử dụng ma túy hết bao nhiêu thì chia đều tiền. Trong vụ án này bị cáo chủ động rủ các bị cáo sử dụng ma túy nên cần cho bị cáo ở mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt có bố đẻ tham gia chiến dịch biên giới V1 trung, được tặng nhiều bằng khen và được tặng huy hiệu 45 năm tuổi Đảng, gia đình có công với cách mạng….đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần xem xét cho bị cáo.

[4.5] Đối với bị cáo Uông Hoàng A:

Bị cáo Hoàng A chủ động rủ các bị cáo Tài cùng góp tiền đi thuê phòng hát sử dụng ma túy, bị cáo chuyển số tiền 7.700.000 đồng để mua ma túy, đồng thời cũng là người chủ động đưa ma túy kẹo cho các bị cáo trong phòng hát sử dụng, bị cáo sử dụng ma túy kẹo.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự; trong vụ án này bị cáo tham gia với vai trò là đồng phạm, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

[4.6] Đối với bị cáo Nguyễn Đăng T6:

Bị cáo Tài là người thỏa thuận góp tiền với bị cáo Hoàng A, gọi điện thoại rủ rê cho Vi Thị A2 đến quán để bay lắc và sử dụng ma túy kẹo,

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự; trong vụ án này bị cáo tham gia với vai trò là đồng phạm, bị cáo đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

[4.7] Đối với bị cáo Phạm Văn L2:

Bị cáo L2 là người cầm đĩa sứ hơ nóng, xào ma túy và chia thành các đường kẻ, lấy tiền ra để cuộn thành tẩu hút cho các đối tượng khác sử dụng ma túy. Trong vụ án này bị cáo với vai trò thứ yếu. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu năm 2014 bị công an phường xử phạt hành chính về tội tàng trữ, vận chuyển trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật của các bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự; trong vụ án này bị cáo tham gia với vai trò thứ yếu, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét cho bị cáo.

[4.8] Đối với bị cáo Nguyễn Văn H1:

Bị cáo H1 là người đặt phòng hát để sử dụng ma túy, gọi điện thoại mua ma túy của bị cáo T1, đưa ma túy, xào ma túy ke và lấy tiền cuốn thành tẩu cho bị cáo Hoàng A, Tài cùng sử dụng.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự; Bị cáo có 3 con nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình, trong vụ án này bị cáo tham gia với vai trò là đồng phạm, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

[4.9] Đối với bị cáo Trần Quốc K:

Bị cáo K là người gọi điện thoại rủ L2 đi sử dụng ma túy, bị cáo là người đi lấy ma túy, đồng thời là người đổ ma túy ra đĩa sứ, pha ma túy vào nước coca đưa cho các bị cáo trong phòng hát sử dụng.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự; trong vụ án này bị cáo tham gia với vai trò là đồng phạm, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

[4.10] Đối với bị cáo Phan Văn M1, Trần Văn D1 và Nguyễn Thị Phương L1:

Các bị cáo M1, D1 và bị cáo L1 cùng nhau sử dụng ma túy tại phòng hát VIP tầng 6, Bị cáo D1 là người chủ động gọi điện thoại rủ L1 và L1 đồng ý đi sử dụng ma túy, các bị cáo đều thỏa thuận tiền ma túy hết bao nhiêu sẽ chia đều có mọi người trong phòng hát.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự; Bị cáo D1, M1 đều có bố đẻ tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế và được hưởng trợ cấp một lần. Bị cáo L1 có ông nội là đảng viên và được tặng huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, gia đình có công với cách mạng… Bị cáo M1 có ông nội là liệt sỹ, được trao tổ quốc ghi công…….,trong vụ án này các bị cáo L1, D1, M1 tham gia với vai trò là đồng phạm, vì vậy đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho các bị cáo.

[4.11] Đối với bị cáoPhùng Văn T9:

Bị cáo T9 là người bán ma túy cho bị cáo T4 nhằm mục đích kiếm lời, nhưng bị cáo chưa nhận được tiền từ bị cáo T4. trong vụ án này hành vi của bị cáo là độc lập, nên hành vi của bị cáo đủ cấu thành tội Mua bán trái phép chất mua bán.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự; sau khi phạm tội đã ra đầu thú…. đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho các bị cáo.

[5] Về các vấn đề khác trong vụ án:

Đối với L1 Tùng L3, Cù Vũ T14, Bùi Thị Ánh T15, Vi Thị A2 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên ngày 10/10/2025, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Hà Nội đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1, Điều 23 nghị định 144/NĐ-CP ngày 31/12/2021.

Đối với Phạm Hải Đ, Bùi Thị V và Trần Thị Phương T13 quá trình điều tra xác định những người này không tham gia vào việc Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, không sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với người bán ma tuý cho Đình Văn T1 và Phùng Văn T9, quá trình điều tra chưa có căn cứ để xác định được đối tượng trên nên Cơ quan điều tra ra Quyết định tách phần tài liệu liên quan để tiếp tục điều tra giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với chủ sở hữu cơ sở Karaoke không tên, không biển hiệu có địa chỉ tại số 1 đường Q, xã T, thành phố Hà Nội. Anh N12 khai nhận thuê lại căn nhà để kinh doanh dịch vụ hát cho nhau nghe tuy nhiên anh N12 đã giao lại cho Nguyễn Bá Hải toàn quyền quyết định kinh doanh, khi xảy ra sự việc trên anh N12 không có mặt ở quán và cũng không cho phép ai sử dụng ma túy. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với đối tượng Nguyễn Bá Hải sinh năm 2001, Nơi thường trú: TDP 8, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên, là quản lý của quán Karaoke không tên ở số 1 đường Q

thuộc xã T, thành phố Hà Nội. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Hà Nội đã xác minh và T1 tập Hải, Tuy nhiên, Hải vắng mặt tại địa phương nơi cư trú. Do đó, Cơ quan CSĐT - Công an TP Hà Nội ra Quyết định tách phần tài liệu liên quan đến đối tượng Hải để tiếp tục điều tra giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh khó khăn. Do đó hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

***[**7] Về vật chứng, xử lý vật chứng*: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 03 phong bì niêm phong bên trong có ma túy ke và ma túy kẹo,bên ngoài có chữ ký của giám định viên và các bị cáo. 03 thẻ Nhựa và 03 đĩa sứ màu trắng. Cần tịch thu tiêu hủy.

- 02 tờ tiền VNĐ mệnh giá 10.000 đồng và 01 tờ tiền VNĐ mệnh giá 20.000 đồng. Cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 8 Plus đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone XS Max đã qua sử dụng của Phùng Văn T9; 01(một) điện thoại di động của Đinh Văn T1; 01(một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 ProMax màu vàng đồng của Trần Quốc K; 01 (một) điện thoại di động của Uông Hoàng A; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 ProMax màu xám của Bùi Min h T4; 01 (một) điện thoại di động của Nguyễn Văn Q; 01 máy tính nhãn hiệu là điện thoại các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu, phát mại sung công quỹ Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại OPPO A18 của Pham Văn M1; 01 (một) điện thoại di động của Nguyễn Đăng T6; 01 (một) điện thoại di động Nguyễn Thị Phương L1; 01 (một) điện thoại di động Hoàng Ngọc T; 01(một) điện thoại nhãn hiệu Vivo 1933 màu ánh xanh đã qua sử dụng, thân vỏ bị nứt vỡ, số Imei 86776104763492, số Sim 0343157100 của Phạm Văn L2; 01 điện thoại nhãn hiệu Sony màu đen của Trần Văn D1. Xét thấy các bị cáo không dùng để liên lạc trong quá trình tổ chức sử dụng ma túy nên cần trả lại cho các bị cáo.

- Đối với số tiền 7.700.000 đồng bị cáo H1 đã chuyển cho bị cáo T1 để mua ma túy. Đây là số tiền bị cáo T1 phạm tội nên cần truy thu sung công quỹ Nhà nước.

[8] Về án phí: Các bị cáo Hoàng Ngọc T, Đinh Văn T1, Nguyễn Văn H1, Uông Hoàng A, Nguyễn Văn Q, Bùi Min h T4, Trần Quốc K, Nguyễn Đăng T6, Phan Văn M1, Trần Văn D1, Nguyễn Thị Phương L1,Phạm Văn L2 và Phùng Văn T9 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[*9] Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Ngọc T, Đinh Văn T1, Nguyễn Văn H1, Uông Hoàng A, Nguyễn Văn Q, Bùi Min h T4, Trần Quốc K, Nguyễn Đăng T6, Phan Văn M1, Trần Văn D1, Nguyễn Thị Phương L1, Phạm Văn L2 phạm tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Các bị cáo Đinh Văn T1, Phùng Văn T9 phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy.

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Căn cứ điểm a,b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025:

Xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc T 11 (Mười một) năm tù về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/5/2025.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; Khoản 1 Điều 251 và điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn T1 10 (Mười) năm tù về tội " Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và 30 **(** ba mươi**)** tháng tù về tội " Mua bán trái phép chất ma túy'. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 tội là 12 (Mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù. thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/5/2025.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025:

Xử phạt bị cáo Bùi Min h T4 10 (Mười) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/5/2025.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025:

Xử phạt bị cáo Uông Hoàng A : 09 (Chín **)** năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/5/2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 09 (Chín **)** năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/5/2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng T6: 08 *(Tám)*năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/5/2025.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn L2: 07 (bẩy) năm 06 (Ba) tháng tù, về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 05/8/2025.

Xử phạt các bị cáo Trần Văn D1, Nguyễn Thị Phương L1, Trần Quốc K và Phan Văn M1: 07 (bẩy) năm 03 (Ba) tháng tù, về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 16/5/2025.

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn H1: 07 (bẩy) năm 03 (Ba) tháng tù, về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 05/8/2025.

- Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xử phạt bị cáo Phùng Văn T9 02 (Hai) năm 03 (Ba)tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 16/5/2025.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

** Tịch thu tiêu hủy:*

- 03 phong bì niêm phong bên trong có ma túy ke và ma túy kẹo, bên ngoài có chữ ký của giám định viên và các bị cáo.

- 03 thẻ nhựa; 03 đĩa sứ màu trắng; 02 túi niloong

- 02 tờ tiền VNĐ mệnh giá 10.000 đồng và 01 tờ tiền VNĐ mệnh giá 20.000 đồng.

** Tịch thu, phát mại sung công quỹ Nhà nước.*

- 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 8 Plus đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone XS Max đã qua sử dụng của Phùng Văn T9; 01(một) điện thoại di động của Đình Văn T1; 01(một) điện thoại đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 13 ProMax màu vàng đồng của Trần Quốc K; 01 (một) điện thoại di động của Uông Hoàng A; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 ProMax màu xám của Bùi Min h T4; 01 (một) điện thoại di động của Nguyễn Văn Q; 01 (một) bộ máy tính đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, tình trạng hoạt động bên trong của máy khi bàn giao (của quán hát).

** Trả lại cho các bị cáo:*

- 01 (một) điện thoại OPPO A18 của Pham Văn M1; 01 (một) điện thoại di động của Nguyễn Đăng T6; 01 (một) điện thoại di động Nguyễn Thị Phương L1; 01 (một) điện thoại di động Hoàng Ngọc T; 01(một) điện thoại nhãn hiệu Vivo 1933 màu ánh xanh đã qua sử dụng, thân vỏ bị nứt vỡ, số Imei 86776104763492, số Sim 0343157100 của Phạm Văn L2; 01 điện thoại nhãn hiệu Sony màu đen của Trần Văn D1.

** Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước:*

- Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước từ bị cáo Đình Văn T1 số tiền 7.700.000 *(Bẩy T1 bẩy trăm nghìn)* đồng.

(Vật chứng, tài sản hiện do Phòng Th i hành án dân sự khu vực 11 – Hà Nội quản lý theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07/11/2025)

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các bị cáo Hoàng Ngọc T, Đình Văn T1, Bùi Min h T4, Uông Hoàng A, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Đăng T6, Phạm Văn L2 Nguyễn Văn H1, Trần Văn D1, Nguyễn Thị Phương L1, Trần Quốc K, Phan Văn M1 và Phùng Văn T9 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hứa Thị Hà

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 11 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 11 – Hà Nội;
- Các Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.